

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-4-2025

V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiểu

2. Bà Tạ Thị Nhuận

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1973 (vắng mặt)

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/02/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L1 thành hôn vào năm 1992 trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại gia đình chồng tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau này có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng ý kiến nên thường cự cãi. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với anh L1.

Về con chung có hai con chung là Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 01/10/1994 và Nguyễn Thành L2, sinh ngày 16/01/1998 hiện đã trưởng thành, phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/3/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn L1 trình bày: Anh thống nhất theo lời trình của chị L về thời gian thành hôn, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau này có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không còn hợp nhau nên vợ chồng thường cự cãi. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị L nên anh đồng ý ly hôn. Về con chung có hai con chung là Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 01/10/1994 và Nguyễn Thành L2, sinh ngày 16/01/1998 hiện đã trưởng thành, phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Cẩm L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L và bị đơn anh Nguyễn Văn L1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn L1 thành hôn vào năm 1992, trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh L1, anh L1 cũng đồng ý. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị L và anh L1 là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn L1 có hai con chung Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 01/10/1994 và Nguyễn Thành L2, sinh ngày 16/01/1998 hiện đã trưởng thành, phát triển bình thường, không yêu

cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm L nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn L1 là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Cẩm L có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu số 0011948 ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, chị L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã T, huyện O, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Bá Phúc